

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN C**  
**TỈNH LONG AN**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Thi

2. Ông Huỳnh Kim Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Trinh- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh B, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh H trình bày: Chị và anh Võ Thanh B cưới nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2011 tại Ủy ban nhân xã M, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, anh B không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh B không sửa đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh B.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Võ Thanh Như Q, sinh ngày

20/11/2011 hiện đang sống với cha. Do con chung có nguyện vọng sống với cha nên chị H để anh B tiếp tục nuôi con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Võ Thanh B, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh B không nộp văn bản nêu ý kiến cũng như không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Đối với anh Võ Thanh B, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh B không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh B.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh B là quan hệ tranh chấp ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh H và anh Võ Thanh B cưới nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2011 tại Ủy ban nhân xã M, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị H thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H với anh B là do luôn bất đồng quan điểm, anh B không lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu, chị H có khuyên nhiều lần nhưng anh B không sửa đổi. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai cũng không cố gắng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh B nên chị yêu cầu ly hôn với anh B. Đối với anh B, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H và anh B cũng không đến Tòa án để giải quyết cho thấy anh B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh B.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Võ Thanh Như Q, sinh ngày 20/11/2011 hiện đang sống với anh B. Do cháu Q có nguyện vọng sống với cha nên chị H để anh B tiếp tục nuôi con là phù hợp cần được chấp nhận.

Chị H không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu chị H có căn cứ chứng minh anh B hạn chế quyền thăm nom con hoặc không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: do anh B không có ý kiến hay yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[2.4] Về chia tài sản: Chị H trình bày không có nên không đề cập.

[2.5] Về nợ: Chị H trình bày không có nên không đề cập.

Nếu sau này anh B cung cấp chứng cứ chứng minh giữa chị H và anh B có tài sản chung và nợ chung thì anh B có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh H được ly hôn với anh Võ Thanh B.

2. Về nuôi con chung: anh Võ Thanh B được tiếp tục nuôi con là Võ Thanh Như Q, sinh ngày 20/11/2011 hiện đang sống với anh B, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu chị H có căn cứ chứng minh anh B hạn chế quyền thăm nom con hoặc không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

3. Về tài sản chung: Chị H trình bày không có nên không đề cập.

4. Về nợ chung: Chị H trình bày không có nên không đề cập.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000655 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Út**